

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69 /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21/11/2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đức Dũng.

2. Ông Trương Văn Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 378/2019/LTST- HNGĐ ngày 23/9/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 94/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà L T H C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Suối Râm, xã X, huyện C , tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

1. Bà T t, sinh năm: 1952

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Suối Râm, xã X, huyện C , tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Đ N, sinh năm: 1954

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

(*Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P, bà Thu, bà Ngôn vắng mặt không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 04/9/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà L T H C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2008. Đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn do công việc nên ông bà sống ở nhiều nơi khác nhau, thời gian đầu sống ở Cà Mau sau đó lên thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2013 ông bà trở về Cà Mau sống. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vấn đề kinh tế không ổn định nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra ông P ghen tuông vô cớ, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông không thay đổi, từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ông P về sống với gia đình bố mẹ ở huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Quá trình chung sống, ông bà có 01 người con chung: Cháu Nguyễn Thiên Đường, sinh ngày 15/6/2008. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2019 bà T t là mẹ ruột của ông P cho rằng: Năm 2013 ông P và bà C có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì về sống ở Cà Mau, khoảng năm 2016 ông P về sống với bà và theo bà được biết vợ chồng bà C và ông P có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân về vấn đề kinh tế trong gia đình. Thời gian ông P và bà C về nhà thăm bà cũng có cãi vã, mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được.

Theo biên bản lấy lời khai ngày ngày 07/10/2019 bà Đ N là mẹ ruột của bà L T H C cho rằng: ông P và bà C sống với nhau từ năm 2008, theo bà biết quá trình chung sống bà C và ông P có xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, ông P không phụ giúp lo cho con, ngoài ra ông P thường hay ghen tuông nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2015 ông P bỏ về gia đình bố mẹ của ông sống từ đó đến nay.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Chứng minh nhân dân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); các bản tự khai; biên bản lấy lời khai đương sự, con chung, người làm chứng, biên bản xác minh của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Nguyên đơn chấp

hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thiên Đường, sinh ngày 15/6/2008 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bà C chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà L T H C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L T H C và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008. Đến năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo bà C thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế gia đình không ổn định, ông P hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Theo lời khai của bà Đ N và bà T t cũng cho thấy vợ chồng ông P và C thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do điều kiện kinh tế không ổn định, vợ chồng thường hay cãi vã. Mặc dù gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông P và bà C không thể hàn gắn. Ngoài ra, ông P đã được triệu tập hợp lệ để làm việc, hòa giải, xét xử nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày, chứng tỏ ông P không muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Từ đó xác định tình trạng hôn nhân giữa bà C, ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà L T H C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiên Đường, sinh ngày 15/6/2008 và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, bà cũng xác định đủ điều kiện nuôi con mà không cần ông P cấp dưỡng nuôi con, đây yêu cầu tự nguyện của bà. Ngoài ra, thời gian sống ly thân bà C là người trực tiếp chăm sóc con chung, cháu Đường cũng muốn sống với bà C. Ông P cũng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về những yêu cầu của bà C, do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà C.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P không có lời khai về việc này, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L T H C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 11, 12, 89, 92, 93 và Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Hồng Cẩm. Bà L T H C được ly hôn ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên Đường, sinh ngày 15/6/2008 cho bà L T H C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Văn P tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà L T H C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0001594 ngày 13/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C Mỹ. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND huyện C Mỹ;
 - Chi cục THADS H. C Mỹ;
 - Các đương sự;
 - UBND xã P
- (GCNKH số:33/2013)
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Bảo